

# ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ NHẪM PHỤC VỤ QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC

TS. CAO THỊ THANH HƯƠNG

*Bộ môn Tiếng nước ngoài  
Trường ĐHKHXH & NV*

Trên lĩnh vực đào tạo, bất kỳ một ngành khoa học nào cũng có những bước đi đầu tiên, quá trình thử nghiệm, đúc kết kinh nghiệm, phát huy những mặt mạnh, khắc phục những bất cập để không ngừng vươn tới chất lượng và hiệu quả cao. Công tác dạy và học ngoại ngữ không phải là một ngoại lệ. Được trực tiếp tham gia giảng dạy ở trường Đại học Tổng hợp cũ và sau này tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, đã tham gia giảng dạy cả ở khối chuyên ngữ và không chuyên ngữ, chúng tôi có điều kiện chứng kiến, quan sát và phân tích những bước thăng trầm trong đào tạo ngoại ngữ ở bậc đại học trong Nhà trường. Trước một thực trạng là trình độ ngoại ngữ của số đông sinh viên còn thấp, và cũng với mong muốn góp một tiếng nói chung vào đổi mới quy trình đào tạo ngoại ngữ đối với khối sinh viên không chuyên ngữ trong giai đoạn hiện nay, Bộ môn Tiếng nước ngoài của trường ĐHKHXH&NV đã mạnh dạn đề xuất với Nhà trường và đang tiến hành một số hoạt động chuyên môn thiết thực.

## **1. Thiết kế lại Chương trình đào tạo ngoại ngữ**

Nhìn chung, các trường đại học, cao đẳng hoặc trung học dạy nghề đều có bộ môn hoặc khoa ngoại ngữ đảm nhận việc soạn thảo chương trình và giảng dạy môn học này. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng sự quan tâm của các trường đối với môn ngoại ngữ có khác

nhau và nội dung giảng dạy cũng khác nhau. Giảng dạy ngoại ngữ kể cả ở các trường đại học chuyên ngữ cũng vẫn được duy trì từ thể hệ này sang thế khác, mang tính tự chủ khép kín, việc thiết kế chương trình cũng mang tính độc lập cao. Chỉ đơn cử hai trường Đại học ngoại ngữ tại Hà Nội (Đại học Ngoại ngữ thuộc Bộ Giáo dục và Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội), chúng tôi đã thấy rất nhiều khác biệt trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc ở bậc đại học và sau đại học. Đối với các trường đại học không chuyên ngữ thì sự khác biệt là rất lớn. Chúng tôi thiết nghĩ nên có sự phối kết hợp trong việc xây dựng chương trình khung hoặc chương trình chi tiết, trong công tác biên soạn một số giáo trình ngoại ngữ chuyên ngành để dùng chung cho nhiều trường có chung môn học. Được như vậy, các đơn vị đào tạo sẽ cùng tiết kiệm được thời gian và cùng tận dụng được trí tuệ tập thể. Nhưng đây chưa hẳn là giải pháp có tính khả thi cao mà chỉ là một hướng đề xuất. Và lại, công việc cập nhật kiến thức chuyên ngành trong giảng dạy ngoại ngữ đòi hỏi những nỗ lực rất lớn.

Mặt khác, trên các phương tiện thông tin đại chúng, có nhiều tác giả nước ngoài và Việt Nam cho rằng đã đến lúc các trường đại học cần có những cuộc điều tra thực thụ về nhu cầu của sinh viên. Những góp ý của sinh viên sẽ là những cơ sở rất quan trọng để thiết kế lại các chương trình đào tạo cho phù hợp với thị trường lao động. Các trường đại học ở nhiều nước đã cho phép sinh viên được tham gia vào việc đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường, của các giảng viên. Chúng ta có cách làm của chúng ta, nhưng đây cũng là điều để suy nghĩ. Đúng là "Không thầy đố mày làm nên", chúng ta tôn vinh rõ rệt vai trò và trách nhiệm của người dạy và đề cao công tác đào tạo: đào tạo học viên và đào tạo giáo viên như hai mặt của một vấn đề. Đồng thời, chúng ta còn ngầm hiểu một lời kêu gọi đầu tư đổi mới quy trình đào tạo một cách có ý thức và trong điều kiện thực tế cho phép để người học "làm nên" một cái gì đó. Người học thời nay không thụ động đón nhận kiến thức từ người thầy mà họ tích cực tham gia vào quá trình đào tạo của mình, điều này đặc biệt được thể hiện rõ ở các lớp ngoại ngữ. Trong giáo học pháp, người ta thường xuyên dùng từ *dạy/học* thay thế cho *dạy và học*. Điều đó phần nào nói lên sự bình đẳng giữa

người dạy và người học cũng như trách nhiệm của hai phía đối với các hoạt động tương tác trên lớp với phương châm "lấy người học làm trung tâm". Nhu cầu, sở thích, cách nhìn nhận về môn ngoại ngữ của sinh viên là rất đa dạng. Hơn nữa, các em học các thứ tiếng khác nhau, đang học ở các giai đoạn khác nhau nên nhiều khác biệt cũng là điều dễ hiểu. Có sinh viên thích học sâu ngữ pháp, sinh viên khác chú trọng đến đọc hiểu, em khác chỉ quan tâm đến nghe nói... Tuy nhiên, dưới góc độ chuyên môn, chưa nói đến phương pháp, chúng tôi có thể rút ra nhiều điều bổ ích để nhìn lại chương trình và nội dung giảng dạy của mình. Ví dụ, có thể bảo lưu ý kiến rằng một giáo trình Thực hành tiếng do người nước ngoài biên soạn có thể là giáo trình hiện đại thú vị nhưng phần ngữ pháp lại thiếu hệ thống. Hoặc một giáo trình chuyên ngành Du lịch mà lại chỉ đề cập đến mảng Nhà hàng-Khách sạn là chưa đầy đủ. Hay một giáo trình cho đối tượng không chuyên ngữ mà thiên về nghe nói chưa chắc đã hợp lý...

Một khi chưa có sự thống nhất cao giữa các trường, chưa có sự liên kết chặt chẽ trong đào tạo ngoại ngữ thì việc nhìn ra bên ngoài, trao đổi, tham khảo, xin ý kiến... là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, các đơn vị đào tạo phải tự đặt cho mình trách nhiệm trước sinh viên, trước thị trường lao động để chủ động thiết kế hoặc thiết kế lại chương trình đào tạo, có những chỉnh sửa kịp thời mang tính định hướng. Các trường đại học đều có tính đặc thù trong đào tạo chuyên môn thì đương nhiên phải có đặc thù trong đào tạo ngoại ngữ. Ngay cả trong một trường, việc xây dựng các chương trình ngoại ngữ chi tiết cho các khoa khác nhau cũng có những điểm khác nhau đòi hỏi cán bộ quản lý ngoại ngữ có cái nhìn tổng thể và những đề xuất thích hợp cho các hoạt động cụ thể của đơn vị mình. Từ một đơn vị đào tạo cả chuyên ngữ và không chuyên ngữ của trường Đại học Tổng hợp cũ, Bộ môn Tiếng nước ngoài được thành lập từ năm 1996 và có nhiệm vụ giảng dạy bốn thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc cho các khoa trong trường. Trước thực trạng hoạt động giảng dạy của Bộ môn, chúng tôi đã chủ động đề xuất với Lãnh đạo Nhà trường biên soạn lại Chương trình khung giảng dạy môn ngoại ngữ tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn theo hướng chuyên ngành. Trên cơ sở khung chung

hày, các tổ bộ môn trên phải xây dựng các chương trình chi tiết cho bốn thứ tiếng Nga, Anh, Pháp, Trung Quốc với mong muốn có một tiếng nói chung trong giảng dạy để từ đó định hướng cho công tác biên soạn giáo trình. Làm như vậy, chúng tôi sẽ dần dần đạt được sự thống nhất trong đa dạng: thống nhất về đường hướng để quyết định nội dung, phương pháp và công tác kiểm tra đánh giá. Đa dạng thể hiện ở quyền tự chủ của mỗi thứ tiếng chọn lựa nội dung giảng dạy. Nâng cao năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ cho các đối tượng sinh viên không những là giúp họ thuận lợi hơn trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tương lai, mà cũng là một phần rất quan trọng trong việc nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ của người Việt Nam trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

## 2. Rà soát lại nội dung giảng dạy

Ở giai đoạn cơ sở và đối với người học một ngoại ngữ từ đầu, mục tiêu đào tạo rõ ràng phải là đạt 4 kỹ năng cơ bản là đọc, viết, nói, nghe. Ngữ liệu cần cung cấp sẽ là ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng. Tuy nhiên, ở các trường không chuyên ngữ, việc lồng ghép dần dần các thuật ngữ, các khái niệm chuyên ngành là cần thiết và đáng trân trọng đối với bất cứ lĩnh vực nào. Ví dụ: theo nghĩa thông dụng của khoa học xã hội trong tiếng Pháp thì *marquyse* có nghĩa là *Bà nam tước* nhưng trong lĩnh vực xây dựng phải hiểu là *mái che*. Hoặc *mouton* với nghĩa là *con cừu* lại chỉ cái *búa đóng cọc* trong xây dựng. Những ví dụ như vậy ở các ngành khoa học khác nhau là rất nhiều. Ở giai đoạn nâng cao, khi kiến thức cơ bản về ngoại ngữ đã tương đối vững chắc thì các thuật ngữ chuyên ngành và các cấu trúc ngữ pháp đặc thù phải được cung cấp cho người học đồng thời với việc hoàn thiện các kỹ năng cơ bản. Công tác kiểm tra đánh giá không chỉ để sinh viên có đủ đầu điểm trong các bảng điểm theo quy chế và học bạ của họ. Kiểm tra đánh giá phải được coi như một khâu không thể thiếu của việc dạy và học. Chúng ta không thể nói đến năng lực giao tiếp nếu không có kiến thức ngoại ngữ. Nhưng chúng ta không chỉ dừng ở việc kiểm tra kiến thức ngôn ngữ mà phải kiểm tra đánh giá năng lực vận dụng kiến

thức ngoại ngữ trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Để đào tạo có chất lượng và hiệu quả, thiết thực, chúng ta phát huy tinh thần tự chủ nhưng không khép kín. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị chuyên môn và các đơn vị đào tạo ngoại ngữ là hết sức quý báu. Việc mở rộng đội ngũ các cán bộ giảng dạy kiêm nhiệm, cộng tác viên từ các đơn vị trong trường, các cơ quan, viện nghiên cứu ngoài trường sẽ hỗ trợ tích cực cho quy trình đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành. Cơ chế hiện nay của các trường và của Đại học Quốc gia Hà Nội liên kết đào tạo và xây dựng các môn học liên ngành một cách hợp lý sẽ tạo sức mạnh cho một quy trình đào tạo ngoại ngữ chất lượng và sát với thực tế sử dụng. Các trường chuyên ngữ cũng không tự hài lòng với các mô hình đào tạo ngữ văn truyền thống xoay quanh các mảng Lý thuyết tiếng, Thực hành tiếng và Văn học mà cũng đã bắt đầu chú trọng đến các chuyên ngành mà xã hội quan tâm, chuẩn bị cho sinh viên tham gia thị trường lao động. Những nỗ lực của một cơ sở đào tạo kết hợp với những tham khảo, trao đổi, tranh luận với các đồng nghiệp trong nước và quốc tế đóng vai trò hết sức quan trọng. Chúng tôi hy vọng rằng nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ sẽ vẫn luôn là mối quan tâm của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia về phương pháp giảng dạy, các thầy cô giáo cũng như của đông đảo cán bộ khoa học đang tham gia vào quá trình hội nhập của đất nước. Bởi vì, trong bất kỳ giai đoạn nào của lịch sử, ngoại ngữ luôn là cầu nối các nền văn hoá, các dân tộc trong cuộc tìm kiếm tri thức toàn diện của nhân loại. Cầu nối càng được chăm sóc, bảo dưỡng và nâng cấp về chất lượng sử dụng thì bản lĩnh giao tiếp càng được khẳng định. Có như vậy, chúng ta mới tự tin đưa Việt Nam đến với quốc tế và đưa quốc tế xích lại gần Việt Nam. Chúng ta không thể nói đến việc hội nhập khu vực và quốc tế, đến giới thiệu bản sắc văn hoá Việt Nam, đến đại gia đình các dân tộc Việt Nam, đến công bố những công trình khoa học tầm cỡ quốc tế, đến niềm tự hào của trí tuệ Việt Nam mà lại thiếu năng lực ngoại ngữ.

Ngày nay, ngoại ngữ giao tiếp thông dụng trong đời sống xã hội thường ngày đã không đảm đương nổi nhiệm vụ nặng nề của nhu cầu trao đổi thông tin toàn diện trên thế giới. Ngoại ngữ trước đây vốn được coi là khả năng riêng biệt, là vốn riêng, là một nghề của người

học ngoại ngữ, tại các trường đại học coi là một nhu cầu thiết yếu, một công cụ đối với các cán bộ khoa học nghiên cứu hoặc giảng dạy. Bởi vì: đời sống nghề nghiệp không còn bị tách biệt mà được đặt trong bối cảnh giao lưu, hội nhập với bên ngoài. Chúng ta không phủ nhận vai trò và những đóng góp lớn lao của các biên, phiên dịch Việt Nam và Quốc tế, tuy nhiên, một nhà khoa học phải có được công cụ để thông tin và tiếp nhận thông tin, công cụ làm cho các nhà khoa học thuộc các nền văn hoá khác biết đến những thành tựu của giới khoa học Việt Nam. Công cụ đó, một phần, chính là năng lực ngoại ngữ. Trách nhiệm của các cán bộ giảng dạy ngoại ngữ là rất lớn và mỗi nghiên cứu, đầu tư của họ cho nghề nghiệp là cần thiết. Suy nghĩ này của chúng tôi chưa thể nói là hoàn toàn đúng, chưa thể được coi là hoàn toàn hợp lý, mà chỉ là một phần của tư duy sư phạm, một hướng nhìn trong nghề nghiệp, đòi hỏi tiếp tục rút kinh nghiệm để thực sự góp phần nâng cao chất lượng dạy/học ngoại ngữ dù đó là tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp hay tiếng Trung Quốc trong một trường đại học không chuyên ngữ, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng giao tiếp là một hoạt động mang dấu ấn của một cộng đồng dân cư. Khả năng tiếp xúc, thông tin, thương lượng, trao đổi, thuyết phục... bằng phương tiện ngôn ngữ và ngoài ngôn ngữ là năng lực văn hoá. Trong đời sống xã hội hiện nay, mối quan hệ giữa các cá nhân ngày càng đa dạng, phức tạp và mang nhiều ý nghĩa ngầm hiểu chính ngay trong đời sống hàng ngày và trong công việc. Thực tế này đòi hỏi người lao động phải có một năng lực giao tiếp văn hoá có hiệu quả mới có thể sống và lao động cùng với những người thuộc các nền văn hoá khác. Người lao động Việt Nam sẽ cùng hợp tác và cạnh tranh với người lao động nước ngoài. Ngoài việc nắm vững các quy luật hoạt động ngôn ngữ còn phải hiểu biết các quy tắc văn hoá-xã hội riêng biệt chi phối hoạt động giao tiếp giữa các thành viên của từng cộng đồng để tránh những hiểu lầm và hiểu sai một cách đáng tiếc. Giao tiếp trong khoa học, trong các lĩnh vực chuyên môn không phải là ngoại lệ. Để thành công, người sử dụng ngoại ngữ cũng cần tích lũy những kiến thức ngôn ngữ cần thiết và phát triển

thường xuyên năng lực giao tiếp. Nếu chúng ta không chuẩn bị và trang bị cho sinh viên của chúng ta từ khi còn trên ghế nhà trường thì sẽ là quá muộn. Chưa bàn tới vai trò của các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan quản lý nhà nước trong chiến lược phát triển ngoại ngữ, chúng tôi ý thức được rằng đây là trách nhiệm trực tiếp của các cơ sở đào tạo ngoại ngữ, các giáo viên giảng dạy ngoại ngữ. Bởi, dạy ngoại ngữ ở nhiều nơi trong nước ta cho đến những năm gần đây vẫn mới chỉ là chú trọng nhiều đến năng lực ngôn ngữ, cụ thể là những yếu tố cấu trúc ngôn ngữ như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng. Nhưng trên thực tế thì người học lại rất cần biết ứng xử ngôn ngữ phù hợp để diễn đạt ý định giao tiếp của mình. Thực tế là quan hệ giữa hình thức ngôn ngữ và phát ngôn không phải lúc nào cũng tương xứng. Một hành động lời nói có thể được biểu hiện bằng nhiều cấu trúc ngữ pháp và ngôn từ khác nhau và ngược lại, một cấu trúc ngữ pháp có thể biểu hiện nhiều hành động lời nói khác nhau trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

### 3. Kết luận

Chương trình và nội dung đào tạo ngoại ngữ tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội trong giai đoạn hiện nay đã được thống nhất xác định và thiết kế theo hướng chuyên ngành. Điều này có tác động trực tiếp đến nội dung đào tạo thích hợp, đến công tác biên soạn giáo trình và chuẩn bị tài liệu cập nhật cho lớp học ngoại ngữ. Dạy và học ngoại ngữ dần dần sẽ được mang dấu ấn đặc thù của các ngành đào tạo trong nhà trường. Mặt khác, tên gọi của Trường và nội dung các chuyên ngành mà trường đảm nhiệm đào tạo cho đất nước làm chúng tôi có những suy nghĩ nghiêm túc, những tham khảo cần thiết để đáp ứng nhu cầu và yêu cầu của người học. Hơn nữa, khi các ngành khoa học xã hội và nhân văn do trường đào tạo có mối quan hệ mật thiết với văn hoá Việt Nam và văn hoá thế giới thì đào tạo ngoại ngữ cũng phải có những đóng góp thực sự của mình vào nhiệm vụ chính trị và chuyên môn của Nhà trường trong điều kiện có thể. Một khi yếu tố chuyên ngành đặc thù được nhìn nhận đúng mực, một khi sinh viên có thể tiếp cận, hiểu đúng, dịch đúng được các

van dan cnuyen ngann tni cnung ta mới có thể nói được rằng đào tạo ngoại ngữ của ta đã đi đúng hướng. Ở các trường không chuyên ngữ, có thể sinh viên chưa nói được lưu loát, nhưng giúp các em quản lý được vốn từ chuyên môn là hết sức cần thiết trong quá trình đào tạo theo hướng chuyên ngành. Công tác đào tạo đội ngũ giáo viên có trình độ, có nghiệp vụ sư phạm, nắm được các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ phù hợp là việc làm thường xuyên và bền bỉ không thể xem nhẹ nhằm tạo cho sinh viên thói quen và năng lực sử dụng ngoại ngữ để hội nhập và phát triển.

### **Tài liệu tham khảo**

1. DE CARLO M., ACQUYSTAPACE S., 1997, "Civilisation / Culture: histoire et développement de concepts", *E.L.A.* n° 105, tr. 9 - 31.
2. DUFEU B., 1992, "Pour une podagogie ouverte", *Le F.D.M.*, n° 246, tr. 39 - 45.
3. FELDHENDLER D., 1995, "Dovelopper la compotence relationnelle dans la situation d'apprentissage d'une langue", *Le F.D.M.*, n° Spécial, tr. 208 - 215.
4. GALISSON., 1989, "Enseignement des langues et des cultures. Evolution ou rovolution pour demain?", *Le F.D.M.* n° 227, t. 40 - 50.